

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25-8-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Đặng Thị Đôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị Kim O, sinh năm 1974; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số nhà 3/5/2B, tổ 6B, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt .

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 16 tháng 6 năm 2023 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Mai Thị Kim O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà tự nguyện đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn T tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng ngày 05/3/2010 (Giấy chứng nhận kết hôn số 08). Quá trình chung sống, ông bà xảy ra mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2020, do bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên uống rượu, ảnh hưởng xấu đến tính cách của con người, lười lao động, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà xin ly hôn ông T.

Về con chung: Ông bà có một con chung là Nguyễn Mai A, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2011, đang do bà nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A đến khi 18 tuổi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày thống nhất với bà T về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trong cuộc sống hàng ngày, do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đồng ý ly hôn bà T.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung như bà T đã trình bày. Nếu ly hôn, ông đồng ý giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, giữa ông và bà T tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ông T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà O, ông T vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không thay đổi nội dung, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy

định của pháp luật tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị Kim O; cho bà Mai Thị Kim O được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mai A, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2011 cho bà Mai Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T.

- Về tài sản, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Bà Mai Thị Kim O phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Mai Thị Kim O xin ly hôn ông Nguyễn Văn T và yêu cầu giải quyết nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện K. Ông T đang cư trú tại xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bà Mai Thị Kim O (là nguyên đơn) và ông Nguyễn Văn T (là bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà O, ông T.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Kim O xin ly hôn ông Nguyễn Văn T; căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án

cũng như chính quyền xã T cung cấp thì hôn nhân của bà Mai Thị Kim O và ông Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, mâu thuẫn giữa ông bà phát sinh từ năm 2020, do bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên xúc phạm nhau và sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của ông bà thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; yêu cầu xin ly hôn của bà O có cơ sở chấp nhận nên xử cho bà O được ly hôn ông T là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa và ý kiến của ông T tại bản khai trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nuôi con chung: Ông bà có một con chung là Nguyễn Mai A, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2011, đang do bà O nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, ông bà đều có nguyện vọng giao cháu A cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Xét bà O có chỗ ở ổn định, có thu nhập trung bình 7.000.000 đồng/tháng, mặt khác nguyện vọng của cháu A được ở với bà O nên cần giao cháu A cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Mai Thị Kim O không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Mai Thị Kim O được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mai A, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2011 cho bà Mai Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Mai Thị Kim O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0001953 ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục T hành án dân sự huyện K. Bà O đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Mai Thị Kim O và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được T hành theo quy định tại điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật T hành án dân sự. Thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật T hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dịu

